

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/03/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Xuân Thu
2. Bà Hoàng Thị Hòa
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Ph, xã Hoàng T, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh Trần Trọng Ng, sinh năm 1983. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Ph, xã Hoàng T, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2023, bản tự khai ngày 12/02/2024 nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Chị M và anh Trần Trọng Ng tự nguyện kết hôn năm 2009 tại UBND xã Hoàng T, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ng nghiện ngập dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Ng.

Về con: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nguyên Bảo, sinh ngày 20/4/2010 và cháu Trần Nguyên Khải, sinh ngày 13/9/2016. Ly hôn chị M

có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Nguyên Khải và đồng ý giao cháu Trần Nguyên Bảo cho anh Ng chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2024 anh Trần Trọng Ng thể hiện:

Về hôn nhân: anh Ng và chị Lê Thị M tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với nhau bình thường, đến năm 2022, 2203 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Ng nghiện ma túy. Chị M xin ly hôn, anh Ng có nguyện vọng đoàn tụ.

Về con: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nguyên Bảo, sinh ngày 20/4/2010 và cháu Trần Nguyên Khải, sinh ngày 13/9/2016. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với chị M. Nếu chị M cương quyết ly hôn, anh Ng có nguyện vọng được nuôi hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Trần Trọng Ng không yêu cầu giải quyết.

Cháu Trần Nguyên Bảo trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với bố;

Cháu Trần Nguyên Khải trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Trần Trọng Ng.

Về con chung: Vợ chồng chị Lê Thị M và anh Trần Trọng Ng có 02 con chung là cháu Trần Nguyên Bảo, sinh ngày 20/4/2010 và cháu Trần Nguyên Khải, sinh ngày 13/9/2016.

Giao cháu Trần Nguyên Khải cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Nguyên Bảo cho anh Trần Trọng Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng và tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Trần Trọng Ng và nuôi con chung. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định chị M là nguyên đơn, anh Ng là bị đơn.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Trần Trọng Ng có địa chỉ cư trú tại xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Trần Trọng Ng và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc lĩnh vực dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương xã Hoàng Tiến xác nhận: Chị Lê Thị M và anh Trần Trọng Ng tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng T cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được. Vì gia đình anh chị không báo cáo, vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Trần Nguyên Bảo, sinh ngày 20/4/2010 và cháu Trần Nguyên Khải, sinh ngày 13/9/2016.

Tại phiên tòa ngày 05/3/2024, bị đơn anh Trần Trọng Ng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay, anh Ng vắng mặt không có lý do, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Trần Trọng Ng kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, do Ủy ban nhân dân xã Hoàng T, huyện Hoàng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Chị M có nguyện vọng xin được ly hôn anh Ng. Anh Ng có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng đến nay chị M vẫn cương quyết xin được ly hôn anh. Tòa

án thụ lý vụ án từ ngày 02/01/2024 cho đến nay chị M vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh Ng. HĐXX xét thấy tình cảm của anh, chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M là cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng Ng là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị.

[2.2] Về con: Chị Lê Thị M và anh Trần Trọng Ng có 02 con chung là cháu Trần Nguyên Bảo, sinh ngày 20/4/2010 và cháu Trần Nguyên Khải, sinh ngày 13/9/2016.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Lê Thị M: Xét thấy, yêu cầu nuôi con của chị M là phù hợp vì cháu Khải đang còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với chị M, cháu Khải có nguyện vọng được ở cùng mẹ, hiện nay chị M là lao động tự do mức thu nhập 7-8 triệu đồng một tháng. Nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị, giao cháu Trần Nguyên Khải cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu của anh Trần Trọng Ng: Anh có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu. Xét thấy, việc giao cả hai cháu cho anh Ng nuôi là không phù hợp. Vì anh Ng là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Mặt khác cháu Khải đang còn nhỏ, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ (M), cháu Bảo có nguyện vọng được ở với bố, nên giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Do đó, giao cháu Bảo cho anh Ng chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Trần Trọng Ng.

Về con: Công nhận các cháu Trần Nguyên Bảo, sinh ngày 20/4/2010; Trần Nguyên Khải, sinh ngày 13/9/2016, là con chung của anh Trần Trọng Ng và chị

Lê Thị M.

Giao cháu Trần Nguyên Khải cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Nguyên Bảo cho anh Trần Trọng Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật. Chị Lê Thị M, anh Trần Trọng Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ng, chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Anh Ng, chị M và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Nếu anh Ng, chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Anh Ng, chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh chị.

Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003682 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Chị Lê Thị M đã thi hành xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị M, bị đơn anh Trần Trọng Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã Hoằng T;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phương

